

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG  
**ĐƠN VỊ: KHOA NGHỆ THUẬT ỨNG DỤNG**

**ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM**  
**THI KẾT THÚC HỌC PHẦN**  
**Học kỳ 1, năm học 2024-2025**

**I. Thông tin chung**

|                                                         |                                 |             |      |
|---------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------|------|
| Tên học phần:                                           | Lịch sử âm nhạc Việt Nam        |             |      |
| Mã học phần:                                            | 71HIST30022_01                  | Số tín chỉ: | 2    |
| Mã nhóm lớp học phần:                                   | 01                              |             |      |
| Hình thức thi: <b>Dự án/Đồ án/Bài tập lớn/Tiểu luận</b> | Thời gian làm bài:              | <b>60</b>   | Phút |
| <input checked="" type="checkbox"/> Cá nhân             | <input type="checkbox"/> Nhóm   |             |      |
| <b>Quy cách đặt tên file</b>                            | <b>Mã SV_Ho và ten SV_.....</b> |             |      |

**1. Format đề thi**

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Quy ước đặt tên file đề thi/đề bài:
- + Mã học phần\_Tên học phần\_Mã nhóm học phần\_TIEUL\_De 1

**2. Giao nhận đề thi**

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: [khaothivanlang@gmail.com](mailto:khaothivanlang@gmail.com) bao gồm file word và file pdf (**nén lại và đặt mật khẩu file nén**) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

## II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

| Ký hiệu CLO   | Nội dung CLO                                                                                                                                                                       | Hình thức đánh giá | Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%) | Câu hỏi thi số | Điểm số tối đa | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI |
|---------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------------------------|
| (1)           | (2)                                                                                                                                                                                | (3)                | (4)                                        | (5)            | (6)            | (7)                                 |
| <b>CLO 1</b>  | Hiểu biết, trình bày, giải thích được về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam;                                                                    | TỰ LUẬN            | 25                                         | 1              | 2.0            |                                     |
| <b>CLO 2</b>  | Hiểu biết, nắm vững, trình bày, giải thích được đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;                                                | TỰ LUẬN            | 25                                         | 2              | 3,5            |                                     |
| <b>CLO 3</b>  | Vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc. | TỰ LUẬN            | 30                                         | 3              | 3.5            |                                     |
| <b>CELO 4</b> | Hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc dân tộc văn hoá âm nhạc.         | TỰ LUẬN            | 20                                         | 4              | 1.0            |                                     |

### Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) *Nêu nội dung của CLO tương ứng.*

(3) *Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.*

(4) *Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).*

(5) *Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.*

(6) *Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.*

(7) *Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.*

### III. Nội dung đề bài

#### 1. Đề bài (cho phép sử dụng tài liệu)

*1/ Anh (Chị) hãy cho biết các thể loại âm nhạc truyền thống Việt Nam (2,0 điểm)*

*2/ Dựa trên những giả thuyết về tên gọi, nguồn gốc của Hát Chèo cho thấy tính chất gì của thể loại sân khấu truyền thống Việt Nam? Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Chèo. (3,5 điểm)*

*3/ Anh (Chị) hãy cho biết sự hình thành âm nhạc mới từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Nam (3.5 điểm)*

*4/ Anh (Chị) cho biết cảm nhận và suy nghĩ của mình trong việc bảo tồn và lưu truyền Ca Trù trong thời đại ngày nay. (1.0 điểm)*

#### 2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

*1/ Anh (Chị) hãy cho biết các thể loại âm nhạc truyền thống Việt Nam (2,0 điểm)*

Đáp án:

##### - Âm nhạc truyền thống người Việt

*Âm nhạc dân gian hay dân ca:* dân ca miền Bắc, dân ca miền Trung, dân ca miền Nam

*Các thể loại âm nhạc truyền thống bao gồm các thể loại:*

+ Âm nhạc trong sân khấu truyền thống và dân gian

+ Âm nhạc thính phòng, âm nhạc chuyên nghiệp được hình thành và phổ biến trong dân gian.

+ Các thể loại âm nhạc tín ngưỡng, phong tục người Việt...

*Âm nhạc cung đình Việt Nam*

*Âm nhạc chuyên nghiệp và thính phòng:* các thể loại âm nhạc chuyên nghiệp trong dân gian (hát Xẩm, Sắc bùa, Bóng rỗi...); các thể loại âm nhạc thính phòng truyền thống ở ba miền (Ca Trù, Ca Huế, Đờn ca Tài tử).

*Âm nhạc sân khấu:* một số thể loại âm nhạc sân khấu dân gian như ca kịch Huế, ca kịch Bài Chòi, kịch hát dân ca Nghệ An – Hà Tĩnh... còn có âm nhạc sân khấu Chèo, Tuồng – hát Bội, Cải lương.

##### - Âm nhạc các dân tộc thiểu số

Với đặc điểm văn hóa, dân số và dựa theo ngữ hệ, dân ca các dân tộc thiểu số được phân chia theo các nhóm:

- Dân ca các dân tộc vùng Việt Bắc với điển hình là các tộc người Tày, Thái, Nùng... hệ ngôn ngữ Tày-Thái, dòng Nam Á.
- Dân ca các dân tộc vùng Tây Bắc, với điển hình là các tộc HMông, Dao...dòng Nam Á
- Dân ca các dân tộc sống ở vùng Tây Nguyên – Trường Sơn, gồm 2 nhóm:
  - + nhóm ngôn ngữ Môn-Khmer (dòng Nam Á) điển hình là người Ba Na, Xơ Đăng, M'Nông...
  - + nhóm ngôn ngữ Malayô-Pôlinêxia (dòng Nam Đảo) với điển hình là các tộc Gia Rai, Ê Đê, Chăm...

**2/ Dựa trên những giả thuyết về tên gọi, nguồn gốc của Hát Chèo cho thấy tính chất gì của thể loại sân khấu truyền thống Việt Nam? Anh (Chị) hãy cho biết lịch sử quá trình hình thành và phát triển nghệ thuật sân khấu Chèo. (3.5 điểm)**

Đáp án:

- Chèo được hình thành với hai tính chất chủ yếu là tính tích diễn (diễn kịch nhằm kể lại những câu chuyện) và tính ứng diễn (lối diễn tùy hứng của dân gian, không có kịch bản, dàn dựng trước).
- Lịch sử hình thành và phát triển:
  - **Thời kỳ phôi thai:**  
 Từ khoảng thế kỷ thứ VI trước CN đến thế kỷ thứ I sau CN (khoảng 5 thế kỷ): là thời kỳ trỗi dậy của những bộ lạc cùng chung dòng chủng tộc Lạc Việt sống dọc theo các con sông lớn; là thời kỳ đồng thau và nền văn minh Đông Sơn (trống đồng Đông Sơn).
  - **Thời kỳ chuyển tiếp:**  
 Từ thế kỷ thứ I sau CN đến năm Ngô Quyền lên ngôi, mở đầu thời đại độc lập, tự chủ (khoảng 10 thế kỷ): Chèo được hình thành và gọi là phường Chèo Bội. Đây là hình thức mang tính “quá độ” được trình diễn trong nghi thức tế lễ và phát triển thành hình thức nghệ thuật sân khấu.
  - **Thời kỳ định hình – phát triển:**
    - Bắt đầu từ thế kỷ thứ X đến đầu thế kỷ XX. Thời kỳ phổ biến lối hát diễn trong các làng xã miền Bắc vào những dịp Tết, hội hè... Chèo thời kỳ này vẫn là lối ca diễn cương, không có kịch bản cụ thể, các vai diễn đều nắm rõ tích trò, biết hát một số làn điệu để ứng diễn và sân khấu là dải chiếu trước sân đình, nơi tổ chức các sinh hoạt của cộng đồng làng xã. Âm nhạc chủ yếu là các lối hát, nói trong dân gian được sân khấu hóa. Dàn nhạc ban đầu không có nhạc khí giai điệu, chủ yếu là các nhạc khí gõ. Về sau có thêm đàn nhị để dẫn giọng.
    - Thời kỳ sân khấu Chèo cải cách – Chèo văn minh: thời kỳ này hát Chèo được đưa lên sân khấu. Nhà hát diễn chèo đầu tiên mang tên Văn Minh – với tên tuổi nhà cải cách Nguyễn Đình Nghi. Sau đó là việc ghi chép lại những kịch bản cổ trong dân gian, sáng tác những kịch bản phải theo thể loại lịch sử, có phân vai, tập ca diễn. Người hát diễn phải theo kịch bản và được học các làn – điệu để thể hiện theo kịch bản cũng như tính chất của làn điệu mà thầy tuồng yêu cầu.
    - Thời kỳ từ năm 1945 đến nay: hình thành những kịch bản theo nội dung mới xây dựng CNXH ở miền Bắc, cải cách về phần âm nhạc bằng phần đệm cho các tình huống kịch. Cùng với những kịch bản nội dung mới và những sáng tác phần đệm âm nhạc theo kiểu nhạc kịch phương Tây là sự phát triển của dàn nhạc Chèo theo cơ cấu của dàn nhạc giao hưởng. Đã có lúc dàn nhạc lên đến 30 người, phân tổ bộ... Hiện nay với chủ trương bảo

tồn bản sắc văn hóa dân tộc, nhiều vở chèo cổ được khôi phục với tinh thần giữ gìn nguyên bản, được ghi hình và trở thành những tác phẩm kinh điển của nghệ thuật sân khấu Chèo.

### **3/ Anh (Chị) hãy cho biết sự hình thành âm nhạc mới từ năm 1954 đến năm 1975 ở miền Nam (3.5 điểm)**

Đáp án:

Giai đoạn năm 1954 – 1975, hoạt động âm nhạc ở miền Nam sôi nổi, đa dạng và khá phức tạp. Ban đầu, hoạt động biểu diễn âm nhạc ở Sài Gòn có ban nhạc Đài Phát thanh Sài Gòn, ban nhạc Đài phát thanh Pháp Á, ban Quân nhạc Tiểu đoàn Danh dự và rất nhiều ban nhạc nhẹ, nhạc khiêu vũ tập trung ở các quán bar, phòng trà, tiệm nhảy. Dần dần có những hoạt động biểu diễn tại các sân khấu cải lương, rạp chiếu bóng. Các tác phẩm được biểu diễn thường là các ca khúc trước cách mạng, những bài hát trong vùng kháng chiến nhưng được thay tên, đổi lời, những bài hát mới với đề tài tình yêu lãng mạn, mong ước tương lai thanh bình, né tránh thực tế...

Quân đội Mỹ vào Việt Nam, kéo theo những yêu cầu phục vụ quân đội, phục vụ chiến tranh chính trị, tâm lý chiến... Người Mỹ đào tạo và thành lập quân nhạc, sĩ quan tâm lý chiến và đồng thời tạo nên một nhóm chuyên viết nhạc, biểu diễn dòng âm nhạc chống cộng sản, tâm lý chiến: Phạm Duy, Phạm Đình Chương, Trần Thiện Thanh, Trúc Phương...

Với các khuynh hướng chính trị, tư tưởng khác nhau, các nhạc sĩ cũng phân hóa nhiều thành phần bao gồm: những nhạc sĩ yêu nước, sáng tác mang tinh thần dân tộc và giá trị nhân bản cao như Trịnh Công Sơn, Phan Miêng, Miên Đức Thắng...; những nhạc sĩ làm văn hóa, văn nghệ cho bộ máy tuyên truyền của chính quyền cũ như Nhất Linh, Vũ Hoàng Chương, Phạm Duy, Nguyễn Mạnh Côn, Chu Tử...; hoặc có người chuyên viết các ca khúc “nhạc vàng” như Trần Thiện Thanh, Lam Phương, Trúc Phương...

Đặc biệt là phong trào “Hát cho đồng bào tôi nghe” của sinh viên Sài Gòn bắt đầu ngày 27/02/1969 tại trường Đại học Nông Lâm Súc Sài Gòn sau đó lan tỏa khắp các đô thị miền Trung và miền Nam.

Năm 1956 trường Quốc gia Âm nhạc Sài Gòn ra đời gồm hai chuyên ngành là Âm nhạc Tây phương và Quốc nhạc. Đến năm 1960 trường đổi tên thành trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn do mở rộng thêm bộ phận kịch nghệ, hát bội và cải lương. Trong giai đoạn này, bên cạnh trường Quốc gia Âm nhạc và Kịch nghệ Sài Gòn còn có trường Quốc gia Âm nhạc Huế được thành lập năm 1962. Với chủ trương bảo tồn âm nhạc cung đình và nhạc truyền thống miền Trung – Huế, trường tổ chức sưu tầm, nghiên cứu và chủ yếu dạy âm nhạc cổ truyền miền Trung – Huế.

Ngoài ra tại Sài Gòn còn có trường Quân nhạc Sài Gòn thành lập năm 1966 với mục đích huấn luyện đào tạo quân nhạc cho chính quyền Sài Gòn. Bên cạnh đó là hoạt động âm nhạc của các nhạc sĩ, chiến sĩ trong vùng giải phóng. Ở các vùng giải phóng tại miền Nam, đoàn văn công Quân khu I, II, III; văn công khu Sài Gòn Gia Định cũng được thành lập. Năm 1961 hội Văn nghệ Giải phóng miền Nam được thành lập.

### **3. Rubric và thang điểm**

| <b>Đánh giá cho CELO</b> | <b>Tiêu chí</b>                                                                     | <b>Trọng số (%)</b> | <b>Tốt<br/>Từ 80– 100%</b>                                                | <b>Khá<br/>Từ 60 – dưới 80%</b>                                      | <b>Trung bình<br/>Từ 50 – dưới 60%</b> | <b>Yếu<br/>dưới 40%</b>                  |
|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------------------|
| CELO 1                   | hiểu biết về quy luật phát sinh - phát triển của âm nhạc, văn hoá âm nhạc Việt Nam; | 25%                 | nắm vững được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN | Nắm được quy luật phát sinh – phát triển của các thể loại âm nhạc VN |                                        | Nhầm lẫn kiến thức âm nhạc khi thực hiện |

|           |                                                                                                                                                                                    |      |                                                                                                                              |                                                                                                                               |                                                                                                                             |                                                                                                                   |
|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| CELO<br>2 | hiểu biết, nắm vững đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;                                                                            | 25%  | hiểu biết, đặc trưng của các thể loại âm nhạc, đặc trưng âm nhạc trong mỗi giai đoạn, thời kỳ;                               | chỉ nắm được 60% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ                                                                       | chỉ nắm được dưới 60% -50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ                                                           | chỉ nắm được dưới 50% các thể loại âm nhạc trong mỗi thời kỳ                                                      |
| CELO<br>3 | vận dụng những kiến thức về nội dung, hình tượng âm nhạc, phong cách của tác giả âm nhạc Việt Nam để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc. | 30%  | vận dụng được trên 80% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.            | vận dụng được trên 60% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.             | vận dụng được trên 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc.           | vận dụng được dưới 50% kiến thức để cảm thụ và ứng dụng trong thể hiện, biểu diễn, giới thiệu, giảng dạy âm nhạc. |
| CELO<br>4 | hiểu biết lịch sử, giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để đóng góp vào sự nghiệp giáo dục các thế hệ sau và góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc.   | 20%  | hiểu biết từ 80% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc. | hiểu biết trên 60% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam để góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc | hiểu biết trên 50% giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam, góp phần bảo tồn, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong âm nhạc | Không mong muốn/ bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc                                                                  |
|           |                                                                                                                                                                                    | 100% |                                                                                                                              |                                                                                                                               |                                                                                                                             |                                                                                                                   |

**Câu 1: 2.5 điểm**

**Câu 2: 3.5 điểm**

**Câu 3: 3.0 điểm**

**Câu 4: 1.0 điểm**

**Người duyệt đề**

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 10 năm 2024*

**Giảng viên ra đề**

**TS. Trần Thanh Hà**

**ThS. Đinh Xuân Bảo Ngọc**